

THỦ BÀN VỀ TÂM LÝ NÔNG DÂN VIỆT

VŨ NGỌC KHÁNH*

NÔNG DÂN VỚI QUÊ HƯƠNG VÀ DÂN TỘC

Vị trí và công lao của nông dân đối với quê hương và dân tộc Việt Nam đã là điều khẳng định. Chính nông dân Việt Nam đã tạo nên quê hương Việt. Những xóm làng, nhà cửa, đồng ruộng, ao hồ v.v... đều do bàn tay khai phá của nông dân. Những nghề nghiệp đã nuôi sống con người và đã phát triển làm nên cái trù phú của quê hương, đều là của nông dân hoặc của những con người xuất thân là nông dân.

Nông dân cũng đã làm nên lịch sử Việt Nam. Kể cả những ngày cổ sử khi chưa hình thành nên đất nước, vẫn là những người lao động bắt đầu với công việc từ chọc lỗ tra hạt cho đến khi làm được *lúa nương, lúa nước*, và sau đó là đồng ruộng phì nhiêu. Phải từ những công việc sơ khởi này nên mới có được bản mường thôn xóm. Đến lượt gây dựng những địa bàn cư trú mới ấy, bảo vệ nó chống lại những lực lượng phá hoại bên ngoài, thì vẫn là công sức của nông dân. Những cuộc chiến đấu chống xâm lăng, khởi nghĩa giành nước và giữ nước đều do nông dân căng đáng. Vinh dự cho nông dân thời kỳ này là đã có nhiều tài năng, chưa phải thiên tài nhưng là vĩ đại. Những Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn, Lê Lợi... (và nhiều nữa) thực sự đều là con nhà nông. Tác phẩm *Hồng Hoan lương sử*, có câu rất

hay mà rất đúng:

Vua Lê dựng nước an dân

Vốn người thảo dã, xuất thân lực điền.

Nông dân cũng đã làm nên văn hoá Việt Nam. Bao nhiêu là tục ngữ, ca dao, cổ tích, truyện cười không tìm ra được tác giả, đều phải gọi là văn học dân gian, thì “dân gian” này cũng chính là nông dân. Còn có cả một kho tàng đồ sộ hơn văn học: Kho tàng văn hoá dân gian với những phạm trù lớn: ngôn từ, tạo hình, biểu diễn rồi những phong tục tập quán, tri thức dân gian v.v... đều là những sáng tạo của nông dân cả. Cả khi nó được nâng lên tầm cao để trở thành những bộ môn khoa học, thì xét cho cùng cũng là từ nông dân mà ra cả, hoặc có ảnh hưởng của nông dân. Ở nhiều nước khác, vào những giai đoạn lịch sử trung đại, cận hiện đại thì có khác, nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam cho đến hết thế kỷ XIX sang thế kỷ XX, thực tại xã hội (social reality) vẫn là như thế. Do vậy mà đi tìm bản sắc Việt Nam, là phải đặc biệt chú ý đến nền văn hoá dân gian, cơ bản là nông dân.

Nhưng nói như vậy vẫn chưa đủ để hiểu về nông dân. Nói đến nông dân với đầy đủ ý nghĩa tôn vinh như trên là điều chính đáng, là hợp với cách nhìn

*GS. Viện Nghiên cứu Văn hoá.

nhận theo giác độ chính trị. Cần phải có gia công nhiều hơn để tìm hiểu về nông dân. Thực chất nông dân là một tầng lớp hay một giai cấp? Giai cấp ấy đã ra đời thế nào và phân hoá ra sao? Có bản lĩnh giai cấp của nông dân không? Tâm lý chủ yếu của giai cấp này là thế nào? Đức độ, tài năng và phẩm chất của nông dân ra sao, có ảnh hưởng gì đến những đường lối chính trị và những diễn biến của xã hội? Nhìn nhận những thành công thất bại của các phong trào qua các sự kiện lịch sử, trách nhiệm của nông dân đến đâu? xã hội sẽ ngày càng tiến hoá thì vai trò và số phận lịch sử của nông dân sẽ thế nào?

Hình như từ trước đến nay, ta chưa có dịp bàn sâu về các vấn đề ấy. Ta mặc nhiên thừa nhận vai trò lớn lao của nông dân (và cũng rất xứng đáng được thừa nhận), mặc dầu ở đây vẫn còn những câu hỏi chưa dễ trả lời. Vả chăng, muốn tìm câu trả lời cho tương đối chính xác, khách quan thì phải tùy theo chỗ đứng của chúng ta. Lâu nay, ta quen nhìn nhận theo giác độ chính trị, nhất là theo cái nhìn giai cấp mà coi nhẹ cái nhìn văn hoá. Nhìn theo giác độ văn hoá có thể đi tới những nhận định có phần khám phá hơn.

NÔNG DÂN DƯỚI CÁI NHÌN VĂN HOÁ

Nhìn văn hoá ở đây có thể là cái nhìn theo *tâm lý học* và *xã hội học*. Phải tìm xem, trong lịch trình tiến hoá của xã hội, con người nông dân đã được hình thành ra sao, và đã trải qua những chặng đường như thế nào để tạo nên được bản lĩnh của mình. Bản lĩnh ấy là gồm cả những bản sắc, những phẩm chất và khả năng để nông dân có thể nhận được một

vai trò nhất định trong lịch sử. Có những cái do bản thân cuộc sống để tồn tại và phát triển tạo nên, và có cả những gì do định luật hỗ tương (theo cách nói của tâm lý học: *reprocal determinism*) để tạo nên thực tế. Trước hết, rõ ràng là hoàn cảnh, môi trường của đất nước, của sự sinh hoạt hàng ngày đã tạo nên tâm lý cố hữu của nông dân, ngày càng chồng chất, thấm thía, dễ khiến người ta hiểu đó là bẩm sinh. Nhưng vấn đề lại không đơn giản. Cái nhìn của nông dân thường là hẹp, vì không gian sinh hoạt của nó chỉ ở trong cái vườn nhỏ, cái thôn bé, chung quanh đều bị khép kín bởi những lũy tre xanh. Việc làm của họ cũng chỉ được diễn ra quanh một cái hè, cái sân (nông dân làm thủ công) hay quá lắm là một thửa ruộng (nông dân cày cấy). Thao tác quen thuộc của họ chỉ là ở đôi tay (có thể nối dài thêm vì cái dây, cái gậy). Động tác chủ yếu của họ là *ngồi* và *cúi*, chứ không thể có gì hơn. Nhân quan không thể mở rộng, cái hẹp hòi này là từ điều kiện sinh hoạt mà ra, mà đây lại là thường xuyên và thường trực. Nhưng ở một khung cảnh khác, một thời gian khác (thường là không nhiều, không cập nhật) họ lại được tiếp cận với trời mây non nước, bể rộng sông dài. Lúc đó thì tâm hồn của họ lại có điều kiện bay bổng, bay bổng không phải vì tầm nhìn xa, mà vì xúc cảm. Quy luật tâm lý ở đây phải được xét theo nhiều khía cạnh, mới hiểu nổi tâm hồn và trí tuệ của nông dân.

Định luật hỗ tương ở đây, không chỉ có ở thiên nhiên, mà còn ở trong cuộc sống xã hội. Đường đi của thời đại với nhu cầu tồn tại của con người, biến cố của lịch sử sẽ ảnh hưởng sâu sắc tới nông dân, mặc dù chính nông dân đã

tạo nên biến cố ấy. Nông dân có thể bất bình với một chế độ chính trị, và đòi hỏi đến mức cần phải thay đổi, nhưng rồi họ lại thấy vẫn phải chấp nhận chế độ ấy, vì không thể biết hay hình dung chế độ mới ra sao. Điều này cho thấy rõ suốt cả giai đoạn lịch sử thời phong kiến. Chỉ có thể lật đổ ông vua này, triều đại khác để lập nên vua mới và triều đại mới mà thôi. Nên thay ông quan cai trị này bằng một ông quan khác, chứ chế độ vua quan thì đã an bài, thậm chí nhiều nơi đã xem đó là truyền thống không thể xâm phạm. Cải lương mới thích hợp với nông dân, chứ cách mạng thì nông dân không biết đến. Vấn đề tâm lý này đã thành vấn đề bản chất. Người ta đã an tâm như vậy, và dù có cựa quậy thì cũng chỉ để đi đến một sự an tâm như cũ mà thôi. Tâm lý thiên về cách mạng không có ở nông dân. Nông dân có thể làm cách mạng được, nhưng cách mạng thì tự thân nông dân không thể có được.

Trong quá trình sinh sống dưới các chế độ thống trị, nông dân cũng dễ có tâm lý xuôi chiều: công nhận, tiếp thu rồi mới mơ và hành động theo nền nếp, thao tác của các lực lượng thống trị. Điều này có thể thấy nhiều trong xã hội Việt Nam ta. Chẳng hạn như việc đi học để làm quan ở các các thời đại trước. Thật ra, học để có thể làm chính sự, là một quan niệm đúng đắn, cả ngày xưa và ngày nay. Phải nấu sừ, sôi kinh, vì có học *sừ* mới có kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo chính quyền, có kinh nghiệm mà giữ nước và dựng nước. Có học *kinh* mới biết ăn nói, biết tuyên truyền giáo dục, thuyết phục được quần chúng, làm đẹp và làm vững nước nhà. Nhưng tầng lớp thống trị các thời đại đã dần dần cho người ta thấy làm quan là

được vinh thân, phì gia, được hưởng nhiều biệt đãi. Họ sẽ tạo cho nông dân cái khuynh hướng rồi cái tâm lý ấy. Không thể làm quan thì làm các hương hào, các chức sắc, cũng có được quyền lợi (quyền uy và lợi nhuận). Nông dân đã theo đó mà có tâm lý này. Có người nước ngoài sang ta đã có nhận xét: chỉ cần một cái chức trương tuần nho nhỏ ở chốn nông thôn, là đã đủ cho người nông dân này ra nhiều tâm lý đặc biệt. Thích chèn ép, thích vênh vang, kẻ thù đoạn, giầu mưu mẹo v.v... Không phải chỉ có cái tâm lý cầu cạnh khoa trương ấy. Có bao nhiêu tật xấu của bọn vua quan, địa chủ, cường hào nữa, nông dân ghét thì có ghét vào từng lúc, từng nơi, nhưng vẫn cứ lặng lẽ dẫm theo những bước chân ấy. Nhiều mâu thuẫn, xung đột ở nông thôn từ đây mà ra. Rồi đến lượt nông dân bị lường gạt, bị xúc xiểm mà không biết. Lớp thống trị mặc nhiên nhận ra được cái tâm thiếu cận của nông dân để gây thêm nhiều thủ đoạn. Rõ ràng, nhìn theo định luật hổ tương như vậy, có thể thấy được sự biến hoá về tư tưởng và tâm lý của nông dân.

*

* *

Từ cách nhìn nhận trên đây, đối chiếu với thực tế cuộc sống và số phận lịch sử của nông dân, có thể nhận định ở nông dân *ba phẩm cách* và *bốn đức tính*. Chính từ những phẩm cách, đức tính này mà nông dân tạo nên được cái bản lĩnh của mình (cũng có thể nói là bản sắc giai cấp nông dân): Ba phẩm cách ấy là:

+ Lòng yêu thiên nhiên, yêu loài vật, kháng khí với ruộng đồng. Tình cảm của nông dân bao giờ cũng mọc

mạc, hồn nhiên, trong sáng. Họ có tâm hồn thô thực sự, dù không biết thô là gì, nhưng cảm quan và cảm xúc của họ thì rất thô. Có cả một kho tàng ca dao thiết tha, dào dạt, cả một kho tàng cổ tích giàu lý tưởng, giàu ước mơ, chứng minh cho tâm hồn và tình cảm họ. Họ luôn luôn phải sống với hiện thực gay go, khắc nghiệt, nhưng tự họ có hẳn một thế giới nghệ thuật, giống họ tạo nên một hiện thực thứ hai, không có trong đời thường, mà có trong mơ ước. Phải hiểu được điều này, mới thấy được giá trị của những sáng tác folklore của nhân loại, chủ yếu là nông dân.

+ Nông dân là những con người hiền lành, thực thà đến mức ngây thơ, mộc mạc đến mức cục mịch. Nguyên nhân là do họ sống với thiên nhiên, sống với sự tiến bộ không ngừng tuy rất chậm chạp. Thiên nhiên luôn luôn là chân chất, không có thủ đoạn bao giờ. Thiên nhiên không hề lường gạt ai cả, mặc dù luôn luôn có những câu đố trong sự mưu sinh. Giải đáp những câu đố, nông dân hoàn toàn phải dùng trí tuệ của mình, lấy ngay những kinh nghiệm thiết thực để trả lời những thử thách. Giải thích sự chân thành của nông dân phải thấy được phần sâu sắc ấy.

+ Nông dân luôn luôn là những con người chăm chỉ, biết chịu đựng, say mê lao động, chủ yếu là những lao động bằng công sức vật chất của mình. Chính những ruộng đồng, những thực tế thủ công đã khiến cho nông dân có cái phẩm cách yêu lao động này. Ngôn ngữ Việt Nam có một từ rất hay là *gánh vác*. Gánh vác mới thực là lao động mà là lao động của nông dân. Sau này có thể mở rộng nội hàm, (như ta nói "*gánh vác non sông*") nhưng ý nghĩa tinh thần cơ

bản chỉ là như thế.

Cái lao động của nông dân, đặc biệt phải nói đến sự lao động trên đất đai, trên đồng ruộng. Người nông dân bao giờ cũng vậy, luôn luôn bám chặt lấy mảnh đất của mình, dù đó chỉ là mảnh đất tí tẹo. "*Một tác đất tác vườn, cũng rày thủa mai kiện*". Câu hát để chê trách, để phê bình, nhưng là câu nói đúng tâm lý của nông dân.

Từ ba phẩm cách trên, những đức tính của người nông dân sẽ được bộc lộ rõ ràng. Ta có thể thấy:

- Ở góc độ tâm linh, nông dân tin vào sự an bài, có tính cách như là định mệnh, và họ lấy ngay niềm tin tưởng thiêng liêng ấy để tự túc và phấn đấu. Câu nói: *chỉ ở với trời, nhờ trời*, hay quan niệm *trời sinh trời dưỡng* là thường trực của nông dân. Chính từ đây mà nông dân rất có thủy chung, tình nghĩa, hoàn toàn tin vào tương lai của mình, dù bị ở vào một hoàn cảnh rất gay go. "*Tuần hoàn lẽ ấy chẳng xa, chớ đem nông nổi mà ngờ cao xanh*", bởi vì cái ông cao xanh này rất công bằng chính trực: sẽ định đoạt cho số phận của họ: "*dù vương nạn ấy, ắt dành phúc kia*".

- Đối với Trời Phật, Thánh Thần là như vậy, thì đối với tổ tiên, những bậc "khuất mày, khuất mặt", nông dân cũng thấm thía một tấm lòng, sùng mộ biết ơn. Sự phụng thờ tổ tiên của nông dân Việt Nam (và là tất cả người Việt Nam), đã khiến cho những học giả nước ngoài xem đây là một cái *đạo*. Tất cả các ngôi nhà của nông dân giàu hay nghèo, sang hay hèn đều có bàn thờ cha ông, ít nhất là từ ngũ đại trở xuống. Từ gia đình đơn lẻ tiến sang cả họ hàng, nông dân cũng rất gắn bó với nòi giống, tông tộc. *Một*

giọt máu đào hơn ao nước lã là tâm lý của nông dân. Có thể nói họ làm nên cái văn hoá dòng họ của nước ta. Hoàn cảnh riêng, tạo cho từng dòng họ có những cái khác nhau, nhưng tình cảm dòng họ vẫn là một.

- Nông dân cũng là những người đã tạo nên cái làng quê Việt Nam. Ý thức, tình cảm của họ đối với làng rất là sâu sắc. Người ta tự hào với cái làng của mình, mặc dù có không ít người phải chịu sự hành hạ của làng. Nhưng chính họ cũng đã tạo nên được cái văn hoá làng, là hiện tượng khá độc đáo trong văn hoá Việt Nam.

Tất nhiên, thực tế cho thấy là cái văn hoá làng và văn hoá dòng họ nói trên đây không phải hoàn toàn ưu điểm. Làng và họ đã gây nên không ít những trở ngại trong công xã, nhưng ở một mặt khác, còn cho thấy cái tâm lý của nông dân đẩy đến những quan niệm (hay thói xấu) về bản vị, địa phương chủ nghĩa, nhiều khi tai hại, và cũng chính là do nông dân gây ra, có thể vì bị xúc xiểm, nhưng cũng có khi tự nguyện.

- Cuối cùng, do hoàn cảnh sống và hoạt động của mình, nông dân đã có nhiều đức tính phù hợp với xã hội nông nghiệp, kinh tế thấp kém. Họ phải nhịn ăn, nhịn mặc, phải tiết kiệm, phải cần cơ, chỉ dám có vài ước mơ đơn giản:

*Thửa ruộng bình quân không dấy sào đất
Vài bốn cây xoan chóng lớn làm nhà
Mấy đứa con mình chung chiếc áo hoa
Cơm ba bát, dưa cà xong bữa !...*

Và do đó, người nông dân luôn luôn có đầu óc thiết thực, cụ thể. Cái gì không hiện rõ kết quả trước mắt là họ

không tin. Cái gì một lần thất bại thì không dám cố can đảm lặp lại.

Bấy nhiêu đức tính, phẩm cách ấy, đã khiến cho nông dân có nhiều nhược điểm. Những nhược điểm biến thành khuyết điểm đều là do ảnh hưởng của giai cấp mà có, phải biết phân tích ngọn nguồn thì nông dân mới giác ngộ ra được. Những thói hư danh suy bì, những thủ đoạn bóc lột, lường gạt, chèn ép đều là từ tầng lớp thống trị mà ra. Nông dân dù không có ý thức, nhưng đã mặc nhiên phải bắt chước, lặp lại các thao tác vì thấy có cái lợi không nhiều, nhưng thoả mãn được tâm lý bất kỳ, bất thường rồi trở thành sâu sắc. Những thói xấu tự tư tự lợi, ích kỷ, thù vặt, người nông dân cũng dễ dàng tiêm nhiễm mà không biết đó là những cái không hợp với bản chất của mình. Mặt khác, vì họ là đông, nên cũng thường có cái tâm lý của đám đông, cái tâm lý ta gọi là *sự theo hùa*. Trong cuốn *Tâm lý quần chúng (Psychologie des foules)*, nhà triết học Gustave le Bon, đã mượn câu chuyện đàn cừ của anh chàng Pamergue để chỉ rõ sự theo hùa của quần chúng. Chỉ cần một con cừ nhảy vào hố trước là cả đàn nhảy theo, chứ không phải cân nhắc đắn đo gì cả. Sự theo hùa này, có khi cũng có kết quả nào đó, khi cần vận động quần chúng nhất tề phụ họa cho một hành động bạo lực nào. Đám đông của sức mạnh, đám đông thường dễ bị mê hoặc vì các thần tượng. Tâm lý ấy cũng có ở nông dân là lẽ tất nhiên. Vì vậy mà nếu biết phát động quần chúng nông dân đi theo lẽ phải, thì sẽ thu hoạch được những kết quả vĩ đại. Bởi vì, khi ta nói quần chúng nông dân là sáng suốt thì ta vẫn nói đúng một chân lý. Sáng suốt là vì

bản chất tâm hồn họ là trong sáng, vì họ đều có sẵn lương tri (con người ta ai cũng có lương tri). Biết đánh thức lương tri, thì sự sáng suốt của cá nhân hay của số đông đều phát huy tác dụng.

Cùng với sự theo hùa này, tầng lớp nông dân còn có một nhược điểm khác: sự nổi khùng và bất chấp. Điều này cũng do hoàn cảnh bị áp bức, bị đè nén mà ra. Thông thường người ta dễ dàng chịu đựng: "*Thân lươn bao quản lấm đầu*". Nhưng đến khi bị đẩy đến cùng cực thì sẽ *tức nước vỡ bờ*, họ không cần đắn đo lợi hại, không tính toán xa gần thiệt hơn, mà phải vùng lên, vì họ không biết làm gì hơn nữa. Xét theo góc độ chính trị, thì nông dân không thể có chiến lược, không thể làm vai trò lãnh đạo được.

*

* *

Đối chiếu với lịch sử đất nước Việt Nam từ xưa đến nay, có lẽ những gì ta nhận xét về người nông dân trên đây đều là phù hợp:

- Suốt cả trường kỳ lịch sử, nông dân lúc nào cũng là *vai trò chủ lực*, cả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Không có nông dân thì không có làng xóm và các thành tựu toàn diện. Tất nhiên nông dân chỉ là chủ lực mà không phải là chủ đạo. Những trí thức danh nhân đạt nhiều thành quả rực rỡ, tách khỏi nông dân, nhưng chính là đã được nông dân tạo nên và bồi dưỡng. Bạch ốc xuất công khanh là như thế.

Có những cuộc khởi nghĩa, ta gọi là khởi nghĩa nông dân. Gọi như thế là vì nông dân là số đông đã tham gia và làm nên sức mạnh của các cuộc khởi

nghĩa. Những nhà lãnh đạo khởi nghĩa này chính là từ nông dân mà ra. Họ là những bộ phận ưu tú trong tầng lớp nông dân, kết tinh được những phẩm chất tốt đẹp, tiếp thu được những tinh hoa, và có được một trình độ trí thức nhất định. Họ cũng biết khai thác những lực lượng trí thức của đất nước để giúp cho sự lãnh đạo của mình. Kinh nghiệm đều cho thấy Lê Hoàn có những nhà sư, nhà Lý có Tô Hiến Thành, Lý Đạo Thành... cho đến Nguyễn Huệ có Nguyễn Thiếp, Ngô Thì Nhậm v.v... Không nhìn theo quan điểm giai cấp, mà nhìn theo xã hội học, điều hiển nhiên là phải có trí thức mới lãnh đạo được đất nước. "*Hiển tài là nguyên khí quốc gia*". Câu nói của Thân Nhân Trung là một chân lý. Và nó lại có giá trị là câu nói được công bố từ thế kỷ XV. Hình như lúc này trên thế giới, chưa ở đâu có câu nói tương tự (hoặc do trình độ suy tầm kém nên chưa tìm ra).

Vậy là đã có một sự thực này: nông dân không thể có vai trò lãnh đạo. Muốn lãnh đạo phải có trí thức. Có lẽ với các tầng lớp khác cũng vậy thôi. Công nhân cũng phải có trí thức.

Nhưng tất nhiên, vấn đề lại phải tuân theo quy luật tiến hoá. Cần phải có trí thức. Nhưng ở giai đoạn mà nông dân đang có vai trò chủ lực, thì cái trí thức này cũng vẫn phải dừng lại với bản chất của nông dân thôi. Những người nông dân được trí thức hoá, hay tập hợp được nhiều trí thức dưới sự lãnh đạo của mình, vẫn không thể nhận ra được những tầm nhìn xa nhất định. Có thể lật đổ được bọn cầm quyền, bọn xâm lược, nhưng lại cứ phải dừng lại, không thể

(Xem tiếp trang 34)

Tiểu nhóm 2.2: Ở tiểu nhóm này học sinh thường đạt khối lượng ghi nhớ cao. Nhưng trong điều kiện ghi nhớ có giao thoa thì lập tức kết quả tái hiện "roi xuống" mức thấp, thậm chí rất thấp. Trong khi làm việc học sinh có dấu hiệu nhanh mệt mỏi, hay ngáp vặt, ngồi gục đầu xuống bàn, hay than phiền là đau đầu, nhưng khi được động viên kịp thời và sát sao học sinh cũng có thể hoàn thành được công việc đó ở mức chấp nhận được, tuy nhiên thời gian hoàn thành công việc thường kéo dài hơn từ 10-20 phút so với học sinh bình thường làm cùng công việc.

Những đặc điểm nêu trên đều có thể gặp trong các nghiên cứu về tâm lý học thần kinh (A.R. Luria, E.D. Khomxkaia và cộng sự) khi mô tả về các trường hợp bệnh lý, liên quan đến những phần trên thân não và hệ limbic - hay còn gọi là các vùng sâu thuộc dưới vỏ não.

*
* *

Có thể nhận thấy rằng, phương pháp Luria - 90 nghiên cứu trên học sinh TĐGCY, dưới góc độ tâm lý học thần kinh đã đưa ra những hình ảnh lâm sàng tỉ mỉ, đầy đủ về khách thể nghiên cứu. Các đặc điểm liên quan định khu các vùng não với rối nhiễu hành vi tương ứng là điều kiện, là thông tin bổ ích giúp cho các nhà trị liệu lựa chọn những phương pháp tác động phù hợp, giúp học sinh có cơ hội mau chóng trở lại học tập và sinh hoạt bình thường với cộng đồng lứa tuổi.♣

Chú thích

1. Điểm số càng cao thì kết quả càng kém (0 điểm là mức tốt nhất).

VIỆN TÂM LÝ HỌC...

(Tiếp theo trang 9)

Nhân văn Quốc gia và Viện Khoa học xã hội Việt Nam qua các thời kỳ, tới toàn thể các đồng chí cán bộ của Viện. Với niềm tự hào chính đáng, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng, sau 5, 10 năm nữa, Viện chúng ta sẽ có bước trưởng thành vượt bậc, xứng đáng là một Viện nghiên cứu của Viện Khoa học xã hội Việt Nam và là một Viện nghiên cứu đầu ngành tâm lý học của cả nước. ♣

THỦ BÀN VỀ

TÂM LÝ NÔNG DÂN VIỆT

(Tiếp theo trang 20)

biết là nên đi đến đâu. Khởi nghĩa Tây Sơn, mà có lúc chúng ta đã vì tôn vinh mà gọi là cách mạng Tây Sơn, cũng không thể là cách mạng. Người ưu tú, rất vĩ đại như Nguyễn Huệ, cũng chỉ có cách là leo lên ngai vàng, lập lại chế độ phong kiến mà thôi. Câu chuyện bế quan toả cảng, mà ta qui tội cho triều Nguyễn thật ra chỉ vì cái tầm chiến lược của nông dân Việt Nam ta lúc đó bị hạn chế. Nông dân có khả năng trí thức hoá, nhưng thời đại ấy chưa cho nông dân được cái trí thức của tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Vấn đề còn được thấy cả ở thời kỳ hiện đại. Tiến hành cuộc cải cách ruộng đất Đảng đã phải đề ra chủ trương sửa sai. Cái sai này chính là do tư tưởng nông dân mà có. ♣